

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 14 - 12- 2022

V/v :Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT TỈNH TH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đình Tâm; bà Nguyễn Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh TH tham gia phiên tòa:
Không

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 30/11/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Nh - Sinh năm: 1992

Nơi ĐKKHKT: Thôn HL, xã TA, huyện TT, TH.

Chỗ ở hiện nay: Thôn PL, xã CL, huyện CT, TH.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn Nh1 - Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn HL, xã TA, huyện TT, tỉnh TH.

Tại phiên tòa chị Trương Thị Nh vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Anh Bùi Văn Nh1 vắng mặt lần thứ hai (Không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2022, bản tự khai ngày 01/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trương Thị Nh trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trương Thị Nh và anh Bùi Văn Nh1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện TT, tỉnh TH vào ngày 16/10/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Nh và anh Nh1 không tìm hiểu kỹ về nhau trước khi cưới nên khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị Nh đã đi làm ăn xa, Nhiều lần anh Nh1 yêu cầu chị Nh về làm thủ tục ly hôn nhưng chị Nh về thì anh Nh1 lại không làm nữa. Vợ, chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị TAND huyện TT giải quyết cho chị Nh được ly hôn anh Nh1.

- Về con chung: Vợ, chồng chưa có con chung, chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Bùi Văn Nh1 để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nh1 đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Văn Nh1. Anh Nh1 có nơi cư trú tại huyện TT, tỉnh TH. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh Nh1 vắng mặt không có lý do, tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh Nh1 và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Nh1 theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nh1 đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải nhiều lần nhưng anh Nh1 đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh Nh1 cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa chị Nh vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét

xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tòa án xét xử vắng mặt chị Nh và anh Nh1.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Thị Nh và anh Bùi Văn Nh1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện TT, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không tìm hiểu kỹ trước khi cưới nên khi kết hôn vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Chị Nh đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Chị Nh và anh Nh1 đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ chị Nh và anh Nh1 đã không còn tình cảm gì với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nh được ly hôn anh Nh1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nh và anh Nh1 chưa có con chung nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Nh không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị Nh được ly hôn anh Bùi Văn Nh1.
2. Về án phí: Chị Trương Thị Nh phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, theo biên lai số AA/2021/0007798 ngày 07/10/2022. Chị Nh đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Trương Thị Nh và anh Bùi Văn Nh1. Chị Nh, anh Nh1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- UBND xã TA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

